

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình tại Tờ trình số 2162/TTr-SNN ngày 18 tháng 9 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2030

Mật độ chăn nuôi của tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 không vượt quá 1,0 đơn vị vật nuôi (ĐVN)/ha đất nông nghiệp; trong đó, mật độ chăn nuôi

của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 không vượt quá mức quy định như sau:

- | | |
|------------------------|------------------------------|
| 1. Huyện Lệ Thủy: | 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp. |
| 2. Huyện Quảng Ninh: | 0,6 ĐVN/ha đất nông nghiệp. |
| 3. Thành phố Đồng Hới: | 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp. |
| 4. Huyện Bố Trạch: | 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp. |
| 5. Huyện Quảng Trạch: | 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp. |
| 6. Thị xã Ba Đồn: | 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp. |
| 7. Huyện Tuyên Hóa: | 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp. |
| 8. Huyện Minh Hóa: | 0,75 ĐVN/ha đất nông nghiệp. |

Điều 3. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện quy định này ở các địa phương; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung mật độ chăn nuôi của các huyện, thị xã, thành phố trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định diện tích đất sản xuất nông nghiệp để các địa phương tính toán, xác định, điều chỉnh mật độ chăn nuôi phù hợp theo quy định.

3. Các sở, ngành liên quan căn cứ Quyết định này triển khai thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức tuyên truyền quy định này cho các cá nhân, tổ chức có hoạt động chăn nuôi tại địa phương.

b) Căn cứ quy định mật độ chăn nuôi tại Quyết định này để xác định quy mô chăn nuôi trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhưng không vượt quá mật độ chăn nuôi theo quy định tại Quyết định này.

c) Kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn trong trường hợp cần thiết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế, Cục Chăn nuôi (Bộ NN&PTNT);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Quảng Bình; Đài PT - TH Quảng Bình;
- VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT (02). LCT (50)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phong

